BÁO CÁO THỰC HÀNH

**Môn học: Lập trình ứng dụng mạng**

**Buổi báo cáo: Lab 01**

**Tên chủ đề:** Bài tập thực hành java cơ bản

*GVHD: Trần Mạnh Hùng*

*Ngày thực hiện: 19/03/2024*

**THÔNG TIN CHUNG:**

*(Liệt kê tất cả các thành viên trong nhóm)*

Lớp: NT109.O21.MMCL

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **MSSV** | **Email** |
| 1 | Nguyễn Văn Anh Tuấn | 21522757 | 21522757@gm.uit.edu.vn |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

1. **ĐÁNH GIÁ KHÁC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kết quả** |
| Tổng thời gian thực hiện bài thực hành trung bình |  |
| Link Video thực hiện  *(nếu có)* |  |
| Ý kiến *(nếu có)*  + Khó khăn  + Đề xuất … |  |
| Điểm tự đánh giá |  |

BÁO CÁO CHI TIẾT

Trước khi vào bài báo cáo, em xin giải thích qua thư mục **utils**(LAB01/src/utils).

Thư mục này dùng để chứa các hàm tính toán, input, output được sử dụng nhiều lần ở trong chương trình, class Array dùng cho bài 14 để quản lý mảng và class Matrix dùng cho bài 15 để quản lý ma trận.

Bài 1: Viết chương trình tìm tất cả các số chia hết cho 7 nhưng không phải bội số của 5, nằm trong đoạn 10 và 200 (tính cả 10 và 200). Các số thu được sẽ được in thành chuỗi trên một dòng, cách nhau bằng dấu phẩy.

Giải thuật:

  List<Integer> list = new ArrayList<Integer>();

        for(int i = 10; i <= 200; i++){

            if(i%7==0 && i%5!=0){

                list.add(i);

            }

        }

Hình 1.1.

Tạo một list kiểu số nguyên để chứa các phần tử tìm được, lặp qua khoảng 10 đến 200, nếu chia hết cho 7 và không chia hết cho 5 thì thêm vào list.

String listInt = list.stream().map(Object::toString).collect(Collectors.joining(", "));

        log.WriteLog("Bai1: " + listInt);

        log.ReadFile();

Hình 1.2

Sau khi đã có được list chứa dãy số cần tìm ta duyệt qua list, chuyển nó thành String và thêm dấu phẩy sau mỗi số.

Kết quả:



Hình 1.3 :

Bài 2: Viết một chương trình tính giai thừa của một số nguyên dương n. Với n được nhập từ bàn phím. Ví dụ, n = 8 thì kết quả đầu ra phải là 1\*2\*3\*4\*5\*6\*7\*8 = 40320.

Giải thuật:

int result = 1;

        for (int i = 1; i <= n; i++) {

            result \*= i;

        }

Hình 2.1

Sử dụng vòng lặp từ 1 đến n và nhân các phẩn tử với nhau, lưu kết quả vào biến result.

Kết quả:



Bài 3: Hãy viết chương trình để tạo ra một map chứa (i, i\*i), trong đó i là số nguyên từ 1 đến n (bao gồm cả 1 và n), n được nhập từ bàn phím. Sau đó in map này ra màn hình. Ví dụ: Giả sử số n là 8 thì đầu ra sẽ là: {1: 1, 2: 4, 3: 9, 4: 16, 5: 25, 6: 36, 7: 49, 8: 64}.

Giải thuật:

YÊU CẦU CHUNG

1. Đánh giá

* Chuẩn bị tốt các yêu cầu đặt ra trong bài thực hành.
* Sinh viên hiểu và tự thực hiện được bài thực hành, trả lời đầy đủ các yêu cầu đặt ra.
* Nộp báo cáo kết quả chi tiết những đã thực hiện, quan sát thấy và kèm ảnh chụp màn hình kết quả *(nếu có)*; giải thích cho quan sát *(nếu có)*.
* Sinh viên báo cáo kết quả thực hiện và nộp bài.

1. Báo cáo

* File .PDF hoặc .docx. Tập trung vào nội dung, giải thích.
* Nội dung trình bày bằng Font chữ Times New Romans/ hoặc font chữ của mẫu báo cáo này (UTM Avo)– cỡ chữ 13. Canh đều (Justify) cho văn bản. Canh giữa (Center) cho ảnh chụp.
* Đặt tên theo định dạng: LabX\_MSSV1. (trong đó X là Thứ tự buổi Thực hành).

Ví dụ: Lab01\_21520001

* Nộp file báo cáo trên theo thời gian đã thống nhất tại courses.uit.edu.vn.

Bài sao chép, trễ, … sẽ được xử lý tùy mức độ vi phạm.

**HẾT**